

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **02/2018/HS-ST**
Ngày 29-01-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Xuyên

Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Chí Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2017/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2017/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2017/HSST-QĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Bích K1, sinh năm 1984 tại huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp HĐ, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L (chết) và bà: Nguyễn Thị U; chồng: Võ Văn T2 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh ngày 04 tháng 4 năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 22/12/2016 (*Có mặt*).

Bị hại:

- Anh **Ngô Thanh E**, sinh năm 1980 (*Có mặt*)

Địa chỉ: ấp KL, xã ĐT, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang

- Chị **Phạm Oanh K2**, sinh năm 1990 (*Có mặt*)

- Chị **Nguyễn T Tr**, sinh năm 1984 (*Có mặt*)

- Anh **Văn Công C**, sinh năm 1982 (*Có mặt*)

- Chị **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1979 (*Có mặt*)

- Chị **Huỳnh Thị Ch**, sinh năm 1975 (*Có mặt*)

- Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1965 (*Vắng mặt*)
- Ông **Huỳnh Văn T1**, sinh năm 1974 (*Có mặt*)
- Bà **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1969 (*Có mặt*)
- Ông **Trần Văn D** (*Hai LR, Hai M*), sinh năm 1957 (*Có mặt*)
- Chị **Nguyễn Thị B** (*M*), sinh năm 1989 (*Vắng mặt*)
- Chị **Nguyễn Yến Nh**, sinh năm 1988 (*Vắng mặt*)
- Bà **Trần Thị X** (*Bảy Đ*), sinh năm 1969 (*Có mặt*)

Cùng địa chỉ: ấp HĐ, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Chị **Nguyễn Thị Bích P**, sinh năm 1982 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp TH, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Ông **Võ Văn D**, sinh năm 1960 (*Vắng mặt*)

Người đại diện hợp pháp của ông Võ Văn D là bà **Ngô Thị T**, sinh năm 1974 theo văn bản ủy quyền ngày 16/01/2018 (*Có mặt*)

Địa chỉ: ấp NH, xã ĐHA, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Võ Văn T2**, sinh năm 1986 (Chồng bị cáo Nguyễn Thị Bích K1), (*Có mặt*)

Địa chỉ: ấp HĐ, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

Người có quyền lợi liên quan:

- Chị **Nguyễn Thị Đ1**, sinh năm 1981 (Vợ người bị hại Văn Công C), (*Có mặt*)

Địa chỉ: ấp HĐ, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Chị **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1984 (Vợ người bị hại Ngô Thanh E), (*Có mặt*)

Địa chỉ: ấp KL, xã ĐT, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang

- Bà **Hà Thị U**, sinh năm 1960 (*Vắng mặt*)

- Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1975 (*Có mặt*)

- Bà **Nguyễn Thị X1**, sinh năm 1954 (*Có mặt*)

- Ông **Trần Phước T3**, sinh năm 1965 và bà **Nguyễn Thị Cẩm H1**, sinh năm 1972 (*Có mặt*)

- Bà **Nguyễn Thị Kh**, sinh năm 1952 (*Vắng mặt*)

- Ông **Nguyễn Văn B1**, sinh năm 1975 (*Vắng mặt*)

- Anh **Lý Minh V**, sinh năm 1989 (*Vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: ấp HĐ, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Bà **Nguyễn Thị Mai H2**, sinh năm 1978 (*Vắng mặt*)

- Bà **Tổng Thị K** (Tur Kh), sinh năm 1971 (*Vắng mặt*)

Người đại diện hợp pháp của bà Tổng Thị K là ông **Hà Minh Kh**, sinh năm 1966 theo văn bản ủy quyền ngày 26/01/2018 (*Có mặt*)

Địa chỉ: ấp 7 Xáng II, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Chị **Lê Thị Kim T4**, sinh năm 1983 (*Vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp CNA, xã TY, huyện U Minh Thượng - Kiên Giang

- Chị **Nguyễn Thị T5**, sinh năm 1983 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp TH, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Bà **Phạm Thị H3**, sinh năm 1974 (*Vắng mặt*)

HKTT: ấp 1B, xã PT, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu

Chỗ ở: ấp HĐ, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Chị **Nguyễn Hồ M**, sinh năm 1983 (*Vắng mặt*)

HKTT: ấp GK, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

Chỗ ở: ấp HĐ, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Ông **Đặng Văn C1**, sinh năm 1976 (*Vắng mặt*)

Cư trú: ấp 9 Xáng I, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Chị **Huỳnh Thị Mỹ K**, sinh năm 1974 (*Vắng mặt*)

HKTT: ấp VT, xã VTh, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang

Chỗ ở: ấp HĐ, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Anh **Phan Trọng N1**, sinh năm 1971 (*Vắng mặt*)

HKTT: ấp 4, xã TLĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

Chỗ ở: ấp 7 Xáng II, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Bà **Dương Thị N2**, sinh năm 1964 (*Vắng mặt*)

HKTT: ấp KL, xã ĐT, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang

Chỗ ở: ấp MH, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Chị **Trần Thị T6**, sinh năm (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp HĐ, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Bà **Nguyễn Thị T7**, sinh năm 1976 (*Vắng mặt*)

HKTT: ấp BHA, xã VPT, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu

Chỗ ở: ấp 7 Xáng II, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Ông **Nguyễn Tấn T8**, sinh năm 1968 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp HĐ, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Bà **Nguyễn Thị T9**, sinh năm 1968 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp 9 Xáng I, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Chị **Nguyễn Thị Trúc A**, sinh năm 1987 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp 8 Xáng, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Chị **Nguyễn Thị Trúc V1**, sinh năm 1990 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp TA, xã TNĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại Thanh E, Oanh K2, Tr, C, Đ, Ch, T1, N, D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan L, U, X1:

Ông Kim Ron Th - Luật sư của Công ty TNHH 01 TV Thành Văn thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (*Có mặt*)

Địa chỉ: 422/6 (tầng trệt) PHI, phường 12, quận GV, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 12/7/2014 (nhằm ngày 16/6/2014 âm lịch), Nguyễn Thị Bích K1 làm chủ dây hội tháng 5.000.000 đồng, gồm có 16 người tham gia tổng cộng là 19 chung, cụ thể như sau:

Nguyễn Thị Bích K1 03 chung, Trần Văn D 02 chung, còn lại Nguyễn Thị G (5 Hùng), Văn Công C, Võ Văn D, Ngô Thanh E, Phạm Oanh K2, Trần Thị X (7 Đ), Huỳnh Thị N, Huỳnh Thị Ch, Huỳnh Văn T1, Nguyễn Yến Nh (vợ Trần), Nguyễn Thị B (U An), Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn T Tr và Nguyễn Thị Đ mỗi người 01 chung. Một tháng xổ hội 01 lần vào ngày 16 âm lịch, tại nhà của Nguyễn Thị Bích K1, ngày 24 gom hội đến ngày 26 giao tiền cho hội viên đã hót hội, hội có lãi và có hoa hồng (tiền cò) mỗi lần hót là 2.500.000 đồng. Dây hội này xổ được 07 lần thì Nguyễn Thị Bích K1 không còn khả năng trả hội nên tuyên bố úp hội. Trong 07 lần xổ hội này, Nguyễn Thị Bích K1 lợi dụng việc các hội viên đến tham gia bỏ thăm xổ hội không đầy đủ nên đã lấy tên của những người vắng mặt và đưa tên người không có tham gia để hót hội, nhằm chiếm đoạt tiền của các hội viên ở các lần xổ hội thứ nhất, thứ 06 và thứ 07, cụ thể như sau:

- Lần xổ hội thứ nhất: Ngày 12/7/2014 (nhằm ngày 16/6/2014) âm lịch, ông Ngô Thanh E không đến nhà Nguyễn Thị Bích K1 xổ hội mà gọi điện thoại nhờ K1 bỏ thăm xổ hội giùm 1.500.000 đồng, nhưng K1 không bỏ thăm với số tiền trên mà lấy tên của ông Ngô Thanh E, bỏ thăm với số tiền 1.250.000 đồng và đã được hót hội. Sau đó, ông Thanh E nói chưa cần tiền nên kêu K1 nhượng lại cho người khác. Khoảng 01-02 ngày sau, K1 nói với ông Ngô Thanh E đã nhượng lại cho Nguyễn Yến Nh hót hội, nhưng thực tế Nh không hót hội mà K1 hót hội và chiếm đoạt tiền của các hội viên sau: Ông Ngô Thanh E 3.500.000 đồng, riêng đối với các

hội viên còn lại gom mỗi chung là 3.750.000 đồng, gồm: Ông Trần Văn D 02 chung 7.500.000 đồng; Văn Công C, Nguyễn Thị Đ, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Thị Ch, Huỳnh Thị N, Phạm Oanh K2, Nguyễn T Tr, Võ Văn D, Trần Thị X, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Yên Nh. Tổng cộng số tiền Nguyễn Thị Bích K1 chiếm đoạt của các hội viên là **59.750.000đ** (Năm mươi chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng);

- Lần xô hội thứ 06: Ngày 07/12/2014 (nhằm ngày 16/10/2014 âm lịch), Nguyễn Thị Bích K1 tự ý lấy tên của bà Trần Thị X (7 Đ) bỏ thăm xô hội 1.410.000 đồng để hốt hội và chiếm đoạt tiền của các hội viên sau: Trần Văn D 02 chung với số T6 7.180.000 đồng; Văn Công C, Nguyễn Thị Đ, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Thị Ch, Huỳnh Thị N, Ngô Thanh E, Nguyễn T Tr, Võ Văn D, Trần Thị X. Tổng cộng số tiền Nguyễn Thị Bích K1 chiếm đoạt của các hội viên là **39.490.000đ** (Ba mươi chín triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng);

- Lần xô hội thứ 07: Ngày 06/01/2015 (nhằm ngày 16/11/2014 âm lịch), Nguyễn Thị Bích K1 lấy tên của bà Tống Thị L (không có tên trong danh sách hội viên) nói bà L bỏ thăm xô hội 1.970.000 đồng để hốt hội và chiếm đoạt tiền của các hội viên sau: Trần Văn D 02 chung với số T6 6.060.000 đồng; Văn Công C, Nguyễn Thị Đ, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Thị Ch, Huỳnh Thị N, Ngô Thanh E và Trần Thị X mỗi người 3.030.000 đồng. Tổng cộng số tiền Nguyễn Thị Bích K1 chiếm đoạt của các hội viên là **27.270.000đ** (Hai mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền Nguyễn Thị Bích K1 đã chiếm đoạt của 15 người bị hại trong 03 lần xô hội là **126.510.000đ** (Một trăm hai mươi sáu triệu năm trăm mười nghìn đồng). Trong quá trình điều tra, Nguyễn Thị Bích K1 đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh số tiền **126.510.000đ** (Một trăm hai mươi sáu triệu năm trăm mười nghìn đồng) để bồi thường cho người bị hại.

Tại Cáo trạng số 17/KSĐT ngày 06-7-2017 Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang truy tố Nguyễn Thị Bích K1 về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự (viết tắt là BLHS) năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

** Tại phiên tòa:*

- Bị cáo Nguyễn Thị Bích K1 thừa nhận, ngày 12-7-2014 (nhằm ngày 16-6-2014 âm lịch) có tổ chức và làm chủ dây hội 5.000.000 đồng, sau đó đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của một số hội viên đúng như cáo trạng nêu trên. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã nộp 126.510.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh để bồi thường cho những người bị hại. Tuy nhiên, bị cáo đã bồi thường xong cho bà G và Nh mỗi người 3.750.000 đồng. Do đó, nay bị cáo đồng ý tự nguyện bồi thường số tiền đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tiền hội thực tế còn nợ cho người bị hại, người có quyền lợi liên quan (kể cả những người vắng mặt) trong cùng vụ án này.

- Những người bị hại có ý kiến: Ngoài số tiền bị cáo lừa đảo để chiếm đoạt thì còn có yêu cầu bị cáo cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn T2

hoàn trả lại số tiền hui của những dây hui khác, một số bị hại yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật, một số bị hại yêu cầu xử lý tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

- Những người có quyền lợi liên quan có ý kiến: Yêu cầu bị cáo cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn T2 hoàn trả số tiền hui của những dây hui hiện bị cáo còn nợ, ngoài ra xác định không yêu cầu gì khác.

Riêng ông Hà Minh Kh là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi liên quan bà Tống Thị K có ý kiến yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo vì đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của dây hui áp ngày 25/8/2014 âm lịch và buộc bị cáo cùng chồng bị cáo là anh Võ Văn T2 phải hoàn trả số tiền hui của dây hui này là 30.400.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn T2 có ý kiến: Đồng ý tự nguyện chịu trách nhiệm cùng bị cáo Nguyễn Thị Bích K1 trả toàn bộ số tiền còn nợ cho những người bị hại và những người có quyền lợi liên quan (số tiền bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản và số tiền hui thực tế).

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Bích K1 thừa nhận đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người bị hại với tổng số tiền chiếm đoạt là 126.510.000 đồng, nên hành vi của Nguyễn Thị Bích K1 thực hiện đã có đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) với tình tiết định khung là chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 33 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích K1 từ 12 (Mười hai) đến 18 (Mười tám) tháng tù; về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn T2 bồi thường cho những người bị hại, người có quyền lợi liên quan số tiền cụ thể:

+ Những người bị hại Ngô Thanh E cùng vợ Nguyễn Thị Ngọc H 35.000.000 đồng, Phạm Oanh K2 255.000.000 đồng, Nguyễn T Tr 60.000.000 đồng, Văn Công C cùng vợ Nguyễn Thị Đ1 60.000.000 đồng, Nguyễn Thị Đ 35.000.000 đồng, Huỳnh Thị Ch 35.000.000 đồng, Huỳnh Văn T1 35.000.000 đồng, Huỳnh Thị N 35.000.000 đồng, Trần Văn D 43.555.000 đồng, Võ Văn D 145.800.000 đồng, Trần Thị X 113.000.000 đồng,

+ Những người có quyền lợi liên quan Hà Thị U 131.000.000 đồng, Nguyễn Thị L 36.000.000 đồng, Nguyễn Thị X1 7.340.000 đồng, Trần Phước T3 cùng vợ Nguyễn Thị Cẩm H1 98.600.000 đồng, Tống Thị K 30.400.000 đồng, Lê Thị Kim T4 102.800.000 đồng, Đặng Văn C1 12.000.000 đồng, Nguyễn Tấn T8 12.000.000

đồng, Nguyễn Thị Trúc A 33.000.000 đồng, Nguyễn Thị Trúc V1 33.000.000 đồng.

- Luật sư Kim Ron Th là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại Thanh E, Oanh K2, Tr, C, Đ, Ch, T1, N, D, và người có quyền lợi liên quan L, U, X1 trình bày: Không thống nhất với tình tiết bị cáo có con còn nhỏ để xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); về trách nhiệm dân sự, đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo cùng chồng bị cáo là anh Võ Văn T2 chịu trách nhiệm bồi thường và hoàn trả số tiền hui cho những người bị hại và người có quyền lợi liên quan như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nêu ra.

- Những người bị hại Thanh E, Kiều, Tr, C, Đ, Ch, T1, N, D, và người có quyền lợi liên quan L, X1 thống nhất với ý kiến tranh luận, đối đáp của Luật sư, không ý kiến bổ sung.

- Người bị hại Trần Thị X, Ngô Thị T đại diện hợp pháp của bị hại Võ Văn D và người có quyền lợi liên quan Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Ngọc H, Trần Phước T3, Nguyễn Thị Cẩm H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn T2 không trình bày tranh luận, đối đáp gì.

- Bị cáo Nguyễn Thị Bích K1 đồng ý với bản luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không tham gia tranh luận, đối đáp gì.

- Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thị Bích K1: Bị cáo chỉ mong sớm trở về nhà để nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại và người có quyền lợi liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Qua xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị Bích K1 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. HĐXX đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Thị Bích K1 phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 BLHS năm 2015.

Chính bị cáo Nguyễn Thị Bích K1 là người tổ chức và làm chủ dây hui tháng 5.000.000 đồng mở ngày 12-7-2014 (nhằm ngày 16-6-2014 âm lịch) và đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của những hui viên, cụ thể: Vào lần sổ hui

thứ nhất bị cáo nói dối là hội viên Ngô Thanh E hốt hội, nhưng thực tế bị cáo hốt và chiếm đoạt tổng số tiền **59.750.000** đồng; vào lần sổ hội thứ sáu bị cáo nói dối là hội viên Trần Thị X hốt hội, nhưng thực tế bị cáo hốt và chiếm đoạt tổng số tiền **39.490.000** đồng và lần sổ hội thứ bảy bị cáo nói dối là bà Tổng Thị L (người không có tên trong danh sách hội viên) hốt hội, nhưng thực tế bị cáo hốt và chiếm đoạt tổng số tiền **27.270.000** đồng. Số tiền bị cáo chiếm đoạt vào những lần sổ hội nêu trên của những hội viên như sau:

Ngô Thanh E 10.120.000 đồng, Phạm Oanh K2 3.750.000 đồng, Nguyễn T Tr 7.340.000 đồng, Văn Công C 10.370.000 đồng, Nguyễn Thị Đ 10.370.000 đồng, Huỳnh Thị Ch 10.370.000 đồng, Nguyễn Thị G 3.750.000 đồng, Huỳnh Văn T1 10.370.000 đồng, Huỳnh Thị N 10.370.000 đồng, Trần Văn D 20.740.000 đồng, Nguyễn Thị B 3.750.000 đồng, Nguyễn Yến Nh 3.750.000 đồng, Trần Thị X 10.370.000 đồng, Nguyễn Thị Bích P 3.750.000 đồng và Võ Văn D 17.340.000 đồng.

Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo nêu trên là phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tình tiết định khung là chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng (cụ thể là **126.510.000đ**). Nên bị cáo bị truy tố và xét xử theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015 (điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999) theo kết luận và đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, đúng pháp luật.

Khoản 1 và 2 Điều 174 BLHS quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

- a) Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;*
- b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;*
- c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;*
- d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

- a) Có tổ chức;*
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;*
- c) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;**
- d) Tái phạm nguy hiểm*

đ) ”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là phạm tội nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Ngoài ra, hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất an ninh trật tự ở địa phương, gây mất lòng tin lẫn nhau và bất bình trong nhân dân.

Do đó, cần phải xử phạt bị cáo một mức án tù tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cụ thể phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội. Đồng thời cũng nhằm răn đe chung cho mọi người có ý thức sống tuân thủ pháp luật mà không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, nguy hiểm cho xã hội tương tự như bị cáo đã thực hiện.

Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; đã tự nguyện nộp số tiền đã chiếm đoạt tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh để bồi thường thiệt hại cho những người bị hại; nhân thân tốt, chưa có tiền sự, tiền án nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo là thỏa đáng, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thấy rằng, hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự bất chấp kỷ cương, pháp luật của Nhà nước và nguy hiểm cho xã hội, bởi chính bị cáo thừa nhận bản thân từng làm chủ nhiều năm của nhiều dây hui khác nhau, trong những người tham gia chủ yếu là người quen và có họ hàng với bị cáo, bị cáo đã không từ bỏ một ai để dùng thủ đoạn gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của họ. Hơn nữa, tại phiên tòa hôm nay bị cáo chỉ thành thật khai báo nhưng chưa có thái độ ăn năn hối cải, trong khi một số người bị hại có yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật, một số người bị hại có yêu cầu xử lý tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Do đó, trong quá trình xem xét HĐXX đã cân nhắc để áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên cần phải xử phạt bị cáo một mức án tù thật nghiêm minh để lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho mọi người nên không chấp nhận áp dụng Điều 47 BLHS năm 1999 (nay là Điều 54 BLHS năm 2015) đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, bị cáo xác định chỉ một mình bị cáo thực hiện hành vi lừa dối để chiếm đoạt tài sản của những người bị hại, chồng bị cáo là anh Võ Văn T2 không biết và không tham gia gì; những người bị hại cũng không yêu cầu anh T2 phải chịu trách nhiệm gì đối với hành vi lừa đảo của bị cáo K1 gây ra đối với họ, trong quá trình điều tra cũng không có chứng cứ gì chứng minh anh T2 đồng phạm với bị cáo K1 để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, không có căn cứ để xem xét xử lý anh Võ Văn T2 trong vụ án này.

Ngoài ra, đối với các dây hui khác như 100.000 đồng, 3.000.000 đồng, 5.000.000 đồng, 10.000.000 đồng mà bị cáo làm chủ hui vào năm 2013 đến năm 2014, trước đây những người tham gia góp hui yêu cầu xử lý bị cáo Nguyễn Thị

Bích K1 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với các dây hụi này. Bị cáo thừa nhận các dây hụi này là có thật, còn thiếu tiền những người bị hại và những người có quyền lợi liên quan, bị cáo cho rằng không lừa đảo các hụi viên và những người hụi viên có yêu cầu truy tố thêm cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt tiền hụi của họ, đồng thời kết quả điều tra, xác minh cũng không có căn cứ chứng minh Nguyễn Thị Bích K1 có hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản đối với các dây hụi này. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay những người bị hại, người có quyền lợi liên quan xác định không yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Xét ý kiến của ông Hà Minh Kh là người đại diện hợp pháp của bà Tống Thị K về việc yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo vì cho rằng bị cáo đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của ông trong lần mở hụi thứ nhất đối với dây hụi 10.000.000 đồng mở ngày 25/8/2014 âm lịch. Thấy rằng, ý kiến yêu cầu của ông Kh cũng giống như những yêu cầu của những người bị hại, người có quyền lợi liên quan như trên và Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung đối với một số dây hụi, trong đó có dây hụi ông yêu cầu, nhưng kết quả điều tra, xác minh không có căn cứ chứng minh Nguyễn Thị Bích K1 có hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của ông. Hơn nữa, tại phiên tòa hôm nay ông không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của ông là có căn cứ để HĐXX xem xét, bản thân bị cáo thừa nhận có tổ chức hụi là sự thật nhưng không có hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của ông. Do đó, trong dây hụi này không có căn cứ chứng minh bị cáo Nguyễn Thị Bích K1 có hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của ông.

[3] Về trách nhiệm dân sự, tuy bị cáo chỉ thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền 126.510.000 đồng, nhưng tại phiên tòa giữa những người tham gia góp hụi và Nguyễn Thị Bích K1 cùng chồng Võ Văn T2 đã tự thỏa thuận được với nhau về việc bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn T2 đồng ý tự nguyện thanh toán tất cả số tiền còn nợ cho những người bị hại và người có quyền lợi liên quan (kể cả những người vắng mặt) bao gồm số tiền đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản và số tiền hụi thực tế bị cáo còn nợ, cụ thể: Ngô Thanh E cùng vợ Nguyễn Ngọc H 35.000.000 đồng, Phạm Oanh K2 255.000.000 đồng, Nguyễn T Tr 60.000.000 đồng, Văn Công C cùng vợ Nguyễn Thị Đ1 60.000.000 đồng, Nguyễn Thị Đ 35.000.000 đồng, Huỳnh Thị Ch 35.000.000 đồng, Huỳnh Văn T1 35.000.000 đồng, Huỳnh Thị N 35.000.000 đồng, Trần Văn D 43.555.000 đồng, Võ Văn D 145.800.000 đồng, Trần Thị X 113.000.000 đồng, Hà Thị U 131.000.000 đồng, Nguyễn Thị L 36.000.000 đồng, Nguyễn Thị X1 7.340.000 đồng, Trần Phước T3 cùng vợ Nguyễn Thị Cẩm H1 98.600.000 đồng, Tống Thị K 30.400.000 đồng, Lê Thị Kim T4 102.800.000 đồng, Đặng Văn C1 12.000.000 đồng, Nguyễn Tấn T8 12.000.000 đồng, Nguyễn Thị Trúc A 33.000.000 đồng, Nguyễn Thị Trúc V1 33.000.000 đồng. HĐXX thấy rằng đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn T2 với những người bị hại và những người có quyền lợi liên quan, sự thỏa thuận này không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận. Tuy nhiên, về thời gian và phương thức thanh toán giữa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan Võ Văn T2 với những người bị hại và những người có quyền lợi liên quan không tự thỏa thuận được nên HĐXX không thể ghi nhận mà buộc bị cáo cùng với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn T2 phải trả cho những người bị hại và những người có quyền lợi liên quan theo đúng số tiền mà bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn T2 và những người bị hại, những người có quyền lợi liên quan đã tự thỏa thuận với nhau theo quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với những hội viên khác tham gia các dây hội nêu trên mà bị cáo làm chủ, nếu có chứng cứ chứng minh về việc bị cáo còn nợ tiền hội của các hội viên thì có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho những người bị hại và những người có quyền lợi liên quan theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị Bích K1** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 BLHS năm 2015:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Bích K1** 02 (H) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự, áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích K1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn T2 bồi thường và hoàn trả cho những người bị hại, những người có quyền lợi liên quan số tiền cụ thể như sau:

- Những người bị hại Ngô Thanh E cùng vợ Nguyễn Ngọc H 35.000.000 đồng, Phạm Oanh K2 255.000.000 đồng, Nguyễn T Tr 60.000.000 đồng, Văn Công C cùng vợ Nguyễn Thị Đ1 60.000.000 đồng, Nguyễn Thị Đ 35.000.000 đồng, Huỳnh Thị Ch 35.000.000 đồng, Huỳnh Văn T1 35.000.000 đồng, Huỳnh Thị N 35.000.000 đồng, Trần Văn D 43.555.000 đồng, Võ Văn D 145.800.000 đồng, Trần Thị X 113.000.000 đồng,

- Những người có quyền lợi liên quan Hà Thị U 131.000.000 đồng, Nguyễn Thị L 36.000.000 đồng, Nguyễn Thị X1 7.340.000 đồng, Trần Phước T3 cùng vợ Nguyễn Thị Cẩm H1 98.600.000 đồng, Tống Thị K 30.400.000 đồng, Lê Thị Kim T4 102.800.000 đồng, Đặng Văn C1 12.000.000 đồng, Nguyễn Tấn T8 12.000.000

đồng, Nguyễn Thị Trúc A 33.000.000 đồng, Nguyễn Thị Trúc V1 33.000.000 đồng.

Tiếp tục quản lý số tiền **126.510.000đ** (*Một trăm hai mươi sáu triệu năm trăm mười nghìn đồng*) bị cáo đã tạm nộp theo biên lai số 09541 ngày 27-3-2017 và 09572 ngày 25-8-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh để đảm bảo ưu tiên thi hành cho những người bị hại mà bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản cụ thể: Ngô Thanh E 10.120.000 đồng, Phạm Oanh K2 3.750.000 đồng, Nguyễn T Tr 7.340.000 đồng, Văn Công C 10.370.000 đồng, Nguyễn Thị Đ 10.370.000 đồng, Huỳnh Thị Ch 10.370.000 đồng, Huỳnh Văn T1 10.370.000 đồng, Huỳnh Thị N 10.370.000 đồng, Trần Văn D 20.740.000 đồng, Nguyễn Thị B 3.750.000 đồng, Trần Thị X 10.370.000 đồng, Nguyễn Thị Bích P 3.750.000 đồng và Võ Văn D 17.340.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của những người bị hại và những người có quyền lợi liên quan nếu bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn T2 không bồi thường và hoàn trả hoặc bồi thường và hoàn trả không đủ các số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn T2 phải trả tiền lãi cho những người bị hại và những người có quyền lợi liên quan nêu trên theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí, áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích K1 phải chịu **200.000đ** (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn T2 phải chịu **45.674.550đ** (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm có mặt bị cáo Nguyễn Thị Bích K1; người bị hại Ngô Thanh E, Phạm Oanh K2, Nguyễn T Tr, Văn Công C, Nguyễn Thị Đ, Huỳnh Thị Ch, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Thị N, Trần Văn D, Trần Thị X, bà Ngô Thị T người đại diện hợp pháp của ông Võ Văn D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn T2 và người có quyền lợi liên quan Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị X1, Trần Phước T3, Nguyễn Thị Cẩm H1, ông Hà Minh Kh người đại diện hợp pháp của bà Tống Thị K.

Vắng mặt bị hại Nguyễn Thị G, Nguyễn Yến Nh, Nguyễn Thị Bích P; người có quyền lợi liên quan Nguyễn Thị K, Nguyễn Văn B1, Lý Minh V, Nguyễn Thị Mai H2, Lê Thị Kim T4, Nguyễn Thị T5, Phạm Thị H3, Nguyễn Hồ M, Đặng Văn C1, Huỳnh Thị Mỹ K, Phan Trọng N1, Dương Thị N2, Nguyễn Thị T7, Nguyễn Tân T8, Nguyễn Thị T9, Nguyễn Thị Trúc A, Nguyễn Thị Trúc V1.

Báo cho bị cáo Nguyễn Thị Bích K1; người bị hại Ngô Thanh E, Phạm Oanh K2, Nguyễn T Tr, Văn Công C, Nguyễn Thị Đ, Huỳnh Thị Ch, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Thị N, Trần Văn D, Trần Thị X, ông Võ Văn D biết là có quyền kháng cáo bản án này; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn T2 và người có quyền lợi liên quan Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị X1,

Trần Phước T3, Nguyễn Thị Cẩm H1, bà Tổng Thị K biết là có quyền kháng cáo phần bản án này có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29-01-2018).

Báo cho bị hại Nguyễn Thị G, Nguyễn Yến Nh, Nguyễn Thị Bích P biết là có quyền kháng cáo bản án này; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị K, Nguyễn Văn B1, Lý Minh V, Nguyễn Thị Mai H2, Lê Thị Kim T4, Nguyễn Thị T5, Phạm Thị H3, Nguyễn Hồ M, Đặng Văn C1, Huỳnh Thị Mỹ K, Phan Trọng N1, Dương Thị N2, Nguyễn Thị T7, Nguyễn Tấn T8, Nguyễn Thị T9, Nguyễn Thị Trúc A, Nguyễn Thị Trúc V1 biết là có quyền kháng cáo phần bản án này có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính bản án này, hoặc bản án chính bản án này được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp phần dân sự của bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Toà án tỉnh KG;
- Cơ quan THAHS huyện AM;
- Cơ quan THADS huyện AM;
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- Sở TP tỉnh KG;
- UBND xã ĐH;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Mỹ Linh